TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2018/DS-PT
Ngày 19 - 11 - 2018
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Bà Cao Thị Túy Giang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tăng Giàu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2017/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2018/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tạ Kim H, sinh năm 1960; cư trú tại đường C, Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Tạ Kim Q, sinh năm 1967; cư trú tại hẻm C, Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Ông Tạ Kim S, sinh năm 1970; cư trú tại hẻm C, Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Tạ Văn T, sinh năm 1953; cư trú tại hẻm C, Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. Bà Tạ Kim H1, sinh năm 1959; cư trú tại hẻm C, Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3. Bà Tạ Thu C, sinh năm 1963; cư trú tại hẻm C, Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

4. Bà Tạ Ngọc X, sinh năm 1968; cư trú tại đường A, ấp B, thị trấn H, huyện G (nay là Khóm X, phường H, thị xã G), tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

5. Bà Tạ Ngọc Đ, sinh năm 1971; cư trú tại ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

6. Bà Chung Thu N, sinh năm 1955 (vắng mặt).

7. Anh Tạ Quốc T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

8. Chị Tạ Bích N, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại hẻm C, Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

9. Ông Trần Văn M, sinh năm 1963 (vắng mặt).

10. Anh Trần Minh T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

11. Anh Trần Vũ L, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại hẻm C, Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

12. Ông Trần Minh T, sinh năm 1960 (vắngmặt).

13. Chị Trần Thị Tú A, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng cư trú tại hẻm C, Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

14. Bà Lê Thị D, sinh năm 1972; cư trú tại hẻm C, Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

15. Tập đoàn Viễn thông Q (Viettel); địa chỉ trụ sở đường T, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Thiếu tướng Nguyễn Mạnh H, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Trung tá Hoàng Xuân T, chức vụ: Giám đốc Viettel Bạc Liêu – Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Q (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 04/10/2016, vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Tạ Kim H trình bày: Cha mẹ bà là Cụ Tạ H và cụ Trần Thị B chung sống với nhau có 08 người con là Tạ Văn T, Tạ Kim H, Tạ Kim H1, Tạ Thu C, Tạ Kim Q, Tạ Ngọc X, Tạ Kim S, Tạ Ngọc Đ, ngoài ra cụ H và cụ B không còn người con nào khác. Trong quá trình chung sống thì cụ H và cụ B có tạo lập được tài sản chung là căn nhà tọa lạc tại Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu trên phần diện tích đất 10.433,70m^2. Nguồn gốc đất do ông nội để lại cho cha mẹ bà. Ngoài nhà và đất trên thì cụ H và cụ B không còn tài sản nào khác. Cụ B đã chết năm 2000 và cụ H chết năm 2011, không để lại di chúc. Trước khi cha mẹ bà chết thì chưa phân chia tài sản cho các con. Nhà và đất nêu trên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà. Nay bà H yêu cầu phân chia di sản

thừa kế do cụ H và cụ B chết để lại theo quy định của pháp luật, nhà do ông Tạ Kim S đang quản lý, sử dụng; yêu cầu chia nhà và đất thành 08 phần bằng nhau cho 08 anh, chị, em, đối với đất thì yêu cầu nhận hiện vật, nhà yêu cầu nhận giá trị.

Bị đơn ông Tạ Kim Q và ông Tạ Kim S: Tại cấp sơ thẩm, ông Q và ông S từ chối nhận văn bản tố tụng, không trình bày ý kiến, không Tham gia phiên hòa giải và không tham gia phiên tòa. Tại cấp phúc thẩm, ông Q trình bày ý kiến xác định mẹ ông là cụ Trần Thị B (chết năm 2000), cha ông là cụ Tạ H (chết năm 2012), các con của cụ H và cụ B gồm 08 người như bà H trình bày. Tài sản của cụ H và cụ B chết để lại gồm diện tích đất 10.433,70m^2 và căn nhà Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nhà do ông Tạ Kim S quản lý, sử dụng. Tài sản của cha mẹ chết để lại hiện do 05 anh, chị, em ông đang quản lý sử dụng gồm ông, ông T, bà H1, bà C và ông S; cha mẹ chết không để lại di chúc, ông yêu cầu giữ nguyên tài sản như hiện nay, không đồng ý yêu cầu chia thừa kế của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tạ Văn T và bà Tạ Ngọc X trình bày: Ông bà thống nhất ý kiến với bà H, đồng ý phân chia di sản thừa kế của cha mẹ là cụ Trần Thị B và cụ Tạ H chết để lại theo quy định pháp luật, diện tích đất 10.433,70m^2 thì yêu cầu chia thành 08 phần bằng nhau cho 08 anh em, yêu cầu nhận hiện vật; căn nhà Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nhà do ông Tạ Kim S quản lý, sử dụng, yêu cầu chia thành 08 phần bằng nhau cho 08 anh, chị, em và yêu cầu nhận giá trị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thu C trình bày: Cha bà là cụ Tạ H và mẹ là cụ Trần Thị B chung sống với nhau có 08 người con như bà H trình bày. Cụ H và cụ B chết có để lại di sản là 02 căn nhà và phần đất tọa lạc tại Khóm X, Phường Y, thành phố B. Năm 2002, cha bà có sang nhượng lại cho vợ chồng bà diện tích đất ngang 5,9m x dài 50m để cất nhà cho 02 đứa con đi học với số tiền 30.000.000 đồng, vợ chồng bà giao tiền cho cha bà và ông Tạ Kim Q để lo thuốc và ăn uống cho cụ H, nhưng lúc đó chưa làm sổ đỏ riêng. Bà yêu cầu chừa phần đất để làm nhà mồ cho cha mẹ, chừa phần diện tích đất gia đình bà đang quản lý, 01 căn nhà mới để lại cho Tạ Kim S sử dụng để thờ cúng cha mẹ, 01 căn nhà cũ để lại cho Tạ Kim Q sử dụng, phần diện tích đất còn lại đồng ý chia đều cho 08 anh em.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Ngọc Đ trình bày: Cha bà là cụ Tạ H và mẹ là cụ Trần Thị B chung sống với nhau có 08 người con như bà H trình bày. Cụ H và cụ B chết có để lại di sản là 02 căn nhà và phần đất tọa lạc tại Khóm X, Phường Y, thành phố Bạc Liêu. Nay đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Tạ Kim H thì bà đồng ý để lại căn nhà mới cho Tạ Kim S, để lại căn nhà cũ cho Tạ Kim Q, để lại 01 phần đất làm nhà mồ, phần diện tích đất còn lại đồng ý chia đều cho 08 anh em theo quy định của pháp luật, bà yêu cầu được nhận hiện vật.

Tại văn bản ngày 01/8/2017, Tập đoàn Viễn thông Q do ông Hoàng Xuân T đại diện theo ủy quyền là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Hiện tại trụ BTS (trụ phát sóng) là tài sản của Tập đoàn Viễn thông Q, Tập đoàn đã ký hợp đồng thuê vị trí xây dựng trụ phát sóng với ông Tạ Kim Q, nếu kết quả cuối cùng mà phần đất Tập đoàn đã thuê thuộc quyền sử dụng của ông Q thì hai bên sẽ tiếp tục thực hiện đúng theo điều khoản hợp đồng đã ký kết. Nếu thuộc quyền sử dụng

của người khác, thì Tập đoàn cũng yêu cầu được ký kết hợp đồng với người được quyền sử dụng theo thời hạn còn lại của hợp đồng đã ký với ông Q, Tập đoàn sẽ tự thanh lý hợp đồng với ông Q để ký hợp đồng mới.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu quyết định: Căn cứ các Điều 219, 633, 645, 674, 675, 676, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 623, Điều 649, Điều 650; Điểm a Khoản 1, Khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 5 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a và c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh 10/2009/PL-UBTVQH12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Kim H về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do ông Tạ H và bà Trần Thị B chết để lại.

- Ông Tạ Văn T, được quyền sử dụng phần diện tích đất 630m^2 (trong đó có 60m^2 đất thổ cư); ông Tạ Kim S được quyền sử dụng phần diện tích đất 272m^2 (trong đó có 60m^2 đất thổ cư); bà Tạ Thu C, được quyền sử dụng phần diện tích đất 217,5m^2 (trong đó có 60m^2 đất thổ); bà Tạ Kim H1 được quyền sử dụng phần diện tích đất: Diện tích 715m^2 (trong đó có 60m^2 đất thổ cư); Diện tích 728,25m^2; Diện tích 99,75m^2; ông Tạ Kim Q được quyền sử dụng phần diện tích 7.209,2m^2 (trong đó có 60m^2 đất thổ và 3.250m^2 đất lúa); giao phần diện tích 562m^2 đất khu mộ và lối đi vào khu mộ cho các đồng thừa kế của ông H và bà B được quản lý, sử dụng chung; có tuyên vị trí và số đo các cạnh.

- Ông Tạ Kim S được quyền sở hữu căn nhà loại III.1b1, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây, mái tol, nền lót gạch men. (Theo biên bản xác định ý ngày 30/8/2016 của bà Tạ Kim H, Tạ Văn T và bản vẽ do bà Tạ Kim H, ông Tạ Văn T và bà Tạ Ngọc X cung cấp).

- Ông Tạ Kim Q có trách nhiệm trả cho ông Tạ Văn T 56.252.277 đồng; ông Tạ Kim Q có trách nhiệm trả cho bà Tạ Thu C 87.189.784 đồng; ông Tạ Kim Q có trách nhiệm trả cho bà Tạ Kim H 159.002.277 đồng; ông Tạ Kim Q có trách nhiệm trả cho bà Tạ Ngọc Đ 134.743.612 đồng; bà Tạ Kim H1 có trách nhiệm trả cho bà Tạ Ngọc Đ 12.222.723 đồng; ông Tạ Kim S có trách nhiệm trả cho Tạ Ngọc Đ 12.035.832 đồng; ông Tạ Kim S có trách nhiệm trả cho Tạ Ngọc X 159.002.277 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; án phí; Luật thi hành án dân sự và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 16 tháng 10 năm 2017, bà Tạ Kim H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu chia di sản thành 08 phần bằng nhau, phần đất yêu cầu nhận hiện vật, còn nhà yêu cầu nhận giá trị.

Tại Quyết định kháng nghị số 03/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16/10/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, đề nghị hủy toàn bộ bản án

dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, cụ thể:

Do trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q nhiều lần có hành vi cản trở, chống đối nên không đo đạc, định giá được di sản tranh chấp, nên Tòa án căn cứ vào sự xác định và bản vẽ của bà H, ông T cung cấp để làm căn cứ chia thừa kế là chưa phù hợp, chưa thu thập, xem xét và đánh giá chứng cứ đầy đủ theo quy định tại các Điều 97 và 106 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với di sản là căn nhà hiện do ông Tạ Kim S đang quản lý, sử dụng, ông S có hành vi chống đối cản trở nên không định giá được tài sản, nhưng bà H và bà X xác định năm 2008 anh em của bà xây dựng căn nhà 200.000.000 đồng, nhưng tại biên bản định giá tài sản ngày 15/9/2016, Hội đồng định giá tài sản tự áp mức giá 3.600.000đ/m^2, giá trị còn lại 70% x diện tích nhà 161,7m^2 = 413.143.000 đồng là cao hơn giá trị thực tế ban đầu xây dựng là chưa phù hợp và chưa đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSTNTC-BTP-BTC ngày 02/3/2014.

Bản án sơ thẩm xác định ông Tạ Kim S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ là cụ B và cụ H và hiện đang thờ cúng cha mẹ nên ông S được nhận 02 kỷ phần thừa kế là chưa phù hợp, vì các đương sự bà H, ông T, bà X xác định bà X mới là người chăm sóc cha mẹ, không phải ông S, còn việc thờ cúng các đương sự xác định các anh em tự thờ cúng, không phải riêng ông S.

Theo hồ sơ thể hiện ông Q, ông S, ông T, bà H và bà C là những người trực tiếp quản lý và sử dụng khối di sản đất và nhà từ khi cụ H và cụ B chết đến nay, bà H yêu cầu chia thừa kế thì ông Q, ông S, ông T, bà H và bà C phải là bị đơn, nhưng bản án sơ thẩm xác định ông T, bà H và bà C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đúng theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 19/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu nhận được quyết định số 01/QĐ-VKS-DS ngày 16/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu về việc rút toàn bộ quyết định kháng nghị nêu trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện Kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 284; khoản 2 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Tạ Kim H,

giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thỏa luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 16/10/2018 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có quyết định số 03/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị phúc thẩm và ngày 16/11/2018 Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu có quyết định số 01/QĐ-VKS-DS rút toàn bộ quyết định kháng nghị phúc thẩm nêu trên. Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên quyết định rút kháng nghị. Căn cứ vào khoản 3 Điều 284; khoản 2 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 16 tháng 10 năm 2017, bà Tạ Kim H nộp đơn kháng cáo là trong thời hạn luật định được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn ông Tạ Kim S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tạ Kim H1, ông Tạ Kim S, bà Tạ Ngọc Đ, bà Chung Thu N, anh Tạ Quốc T, chị Tạ Bích N, ông Trần Minh T, chị Trần Thị Tú A, ông Trần Văn M, anh Trần Minh T, anh Trần Vũ L, bà Lê Thị D, ông Hoàng Xuân T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Về nội dung vụ án: Các đương sự bà Tạ Kim H, ông Tạ Kim Q, ông Tạ Văn T, bà Tạ Thu C, bà Tạ Ngọc X và bà Tạ Ngọc Đ thống nhất trình bày mẹ các ông, bà là cụ Trần Thị B chết năm 2000, cha là cụ Tạ H chết năm 2012, các con cụ B và cụ H có 08 người gồm ông T, bà H, bà H1, bà C, ông Q, bà X, ông S và bà Đ. Cụ B và cụ H chết không để lại di chúc, tài sản cụ B và cụ H để lại gồm diện tích đất 10.433,70m^2 và căn nhà trên đất tại Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nhà do ông Tạ Kim S quản lý, sử dụng. Toàn bộ diện tích đất do 05 người đang quản lý, sử dụng gồm ông T, bà H1, bà C, ông Q và ông S. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét kháng cáo của bà Tạ Kim H yêu cầu chia diện tích đất 10.433,70m^2 và căn nhà Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu làm 08 phần bằng nhau, mỗi người được nhận một phần, bà yêu cầu được nhận đất, căn nhà bà yêu cầu nhận giá trị. Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc tài sản tranh chấp là của cụ Trần Thị B chết ngày 06/11/2000, cụ Tạ H là người quản lý tài sản chung của vợ chồng là nhà đất tọa lạc tại Khóm X, Phường Y, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Cụ B là người đứng tên sổ mục kê đối với đất này và một phần đã được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất. Ngày 16/11/2012 cụ Tạ Hố chết, cả cụ H và cụ B không để lại di chúc. Các đương sự thống nhất xác định cụ B và cụ H chung sống có 08 người con gồm ông Tạ Văn T, bà Tạ Kim H, bà Tạ Kim H1, bà Tạ Thu C, ông Tạ Kim Q, bà Tạ Ngọc X, ông Tạ Kim S và bà Tạ Ngọc Đ; đồng thời tại "Tờ khai mối quan hệ gia đình" đề ngày 17/5/2013 có sự xác nhận của chính quyền địa phương vào ngày 20/5/2013 cũng thể hiện cụ H và cụ B có 08 người con như sự trình bày của các đương sự. Do cụ B và cụ H chết đều không để lại di chúc nên cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 676, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005 chia di sản của cụ B và cụ H thành 09 phần bằng nhau cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ H và cụ B, trong đó ông S là người sống chung với cha mẹ lúc già yếu và thờ cúng cha mẹ nên được nhận 02 phần và để lại một phần đất làm khu mộ và lối đi vào khu mộ là có căn xứ, phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Khi cụ Tạ H và cụ Trần Thị B còn sống thì cụ B, cụ H có nhà riêng và sống chung với người con út là ông Tạ Kim S. Bà H, ông T đều cho rằng ông S không làm tròn nghĩa vụ của người trực tiếp chăm sóc cha mẹ. Tuy nhiên, đây chỉ là lời trình bày của một bên mà không có chứng cứ gì chứng minh ông S vi phạm nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, ông S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ và hiện tại ông S trực tiếp thờ cúng cha mẹ nên bản án sơ thẩm chia cho ông S được nhận 02 phần thừa kế là phù hợp quy định của pháp luật và phong tục tập quán ở địa phương. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bà H về việc chia di sản thành 08 phần.

[6] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm đã nhiều lần thành lập Hội đồng xem xét, thẩm định tại chỗ (đo đạc) và định giá tài sản nhưng không thể tiến hành đo đạc và định giá được tài sản. Cụ thể Tòa án sơ thẩm tiến hành đo đạc 03 lần vào các ngày 22/10/2014, 22/9/2015, 08/12/2015 ông Q và ông S không đồng ý để hội đồng thẩm định, đo đạc, tài sản; ông Q và ông S luôn có thái độ, hành vi chống đối, cản trở nên không tiến hành đo đạc định giá được tài sản. Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành đo đạc vào các ngày 06/6/2018 và 06/9/2018, nhưng do phần đất tranh chấp giáp ranh nhiều hộ dân (28 hộ dân), nguyên đơn bà H không xác định được ranh đất tiếp giáp với các hộ liền kề, ông Q không thống nhất với phần chỉ ranh đất của bà H và ông Q có hành vi chống đối, cản trở, không đồng ý để Hội đồng tiến hành đo đạc, định giá tài sản tranh chấp.

[7] Cấp sơ thẩm căn cứ vào sự xác định của nguyên đơn bà H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông T cũng đồng thời là người đang ở trực tiếp trên đất tranh chấp, căn cứ vào bản vẽ do hai đương sự này cung cấp, sự xác định của bà H, ông T, bà X, bà C và chính quyền địa phương và căn cứ vào bảng tổng hợp thửa chính thức thì Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố B xác nhận theo bản đồ năm 1997 thì cụ Trần Thị B đứng tên tại thửa A, tờ bản đồ B; diện tích 10.433,70m^2. Tại văn bản số 340/PTNMT ngày 22/6/2015 và văn bản số 381/PTNMT ngày 08/7/2015 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B xác định thửa đất số A, tờ bản đồ B có tổng diện tích 10.433.70m^2 tọa lạc Khóm X, Phường Y, thành phố B theo hồ sơ đất đai do cụ Trần Thị B đứng tên sổ mục kê chưa được cấp giấy chứng nhận; năm 1998, cụ B đã tách thửa một phần với diện tích 3.250m^2 và được

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số thửa C, tờ bản đồ B, loại đất trồng lúa; phần còn lại của thửa đất A là đất thổ cư và đất ao. Theo văn bản này thì diện tích đất cụ B đứng tên không thể hiện rõ có bao nhiêu diện tích đất được sử dụng với mục đích là đất thổ cư, nên căn cứ theo Điều 3 Quyết định số 04/2015/QĐ-UBND ngày 28/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành quy định diện tích tối thiểu đất ở thì hộ bà B được công nhận 300m^2 đất thổ cư mà không phải nộp tiền sử dụng đất, phần diện tích còn lại sau khi trừ 3.250m^2 đất lúa là đất vườn. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào sự tự xác định của bà H, ông T và các bản vẽ hiện trạng diện tích đất tranh chấp do hai bên đương sự cung cấp và các văn bản trả lời của Cơ quan chuyên môn để làm căn cứ chia thừa kế là phù hợp.

[8] Tổng diện tích đất là 10.433,7m^2 trừ đi phần khu mộ và lối đi vào khu mộ diện tích 562m^2, diện tích còn lại là 9.871,7m^2 hiện do 05 người trực tiếp quản lý, sử dụng như sau: Ông Q: 7.209,2m^2; ông S: 272m^2; ông T: 630m^2; bà C: 217,5m^2; bà H1: 1.543m^2. Diện tích 9.871,7m^2 tương đương giá trị 1.017.877.500đ; 01 căn nhà của cụ B và cụ H hiện ông S đang quản lý, sử dụng tương đương giá trị 413.143.000đ. Tổng giá trị tài sản nhà và đất là 1.431.020.500đ chia cho 09 phần = 159.002.277đ. Các đồng thừa kế khác là bà H, bà Đ và bà X đều có nơi ở ổn định và không có nhu cầu bức thiết về chỗ ở, nên bản án sơ thẩm chia giá trị sau khi trừ phần đất làm khu mộ, lối đi vào khu mộ, giao phần đất còn lại cho những người đang quản lý đất được tiếp tục sử dụng phần đất mình đang quản lý và có nghĩa vụ hoàn trả giá trị tương ứng là có căn cứ, nên không chấp nhận kháng cáo của bà H yêu cầu nhận diện tích đất.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm bà Tạ Kim H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

[10] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp phúc thẩm mặc dù đã tiến hành đo đạc, thẩm định nhiều lần, nhưng không có kết quả do đương sự cản trở, chống đối như nhận định nêu trên, Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường đã thanh lý hợp đồng số tiền 2.000.000 đồng, bà H đồng ý và đã nộp xong.

[12] Án phí dân sự phúc thẩm bà Tạ Kim H phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 3 Điều 284; khoản 2 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 219, 633, 645, 674, 675, 676, 685 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 623, Điều 649, Điều 650; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa

án; Điều 28 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bạc L, tỉnh Bạc Liêu.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Tạ Kim H; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 55/2017/DS-ST ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Kim H về việc yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản do cụ Tạ H và cụ Trần Thị B chết để lại.

- Ông Tạ Văn T, được quyền sử dụng phần diện tích đất 630m^2 (trong đó có 60m^2 đất thổ cư), có vị trí như sau (1):

+ Hướng Đông có số đo 8,40m.
+ Hướng Tây có số đo 5,7m.
+ Hướng Nam có số đo 32,79m + 5,87m + 50,81m.
+ Hướng Bắc có số đo 19,5m + 1,5m + 7,5m + 1,5m + 11m + 42m.

- Ông Tạ Kim S được quyền sử dụng phần diện tích đất 272m^2 (trong đó có 60m^2 đất thổ cư), có vị trí như sau (3):

+ Hướng Đông có số đo 7,7m.
+ Hướng Tây có số đo 8m.
+ Hướng Nam có số đo 5,5m + 30m.
+ Hướng Bắc có số đo 6m + 30m.

- Bà Tạ Thu C, được quyền sử dụng phần diện tích đất 217,5m^2 (trong đó có 60m^2 đất thổ cư) có vị trí như sau (4):

+ Hướng Đông có số đo 6m.
+ Hướng Tây có số đo 6,3m.
+ Hướng Nam có số đo 6m + 30m.
+ Hướng Bắc có số đo 6,5m + 30m.

- Bà Tạ Kim H1 được quyền sử dụng phần diện tích đất:

Diện tích 715m^2 (trong đó có 60m^2 đất thổ cư) có vị trí như sau (5):
+ Hướng Đông có số đo 18m.
+ Hướng Tây có số đo 19,17m.
+ Hướng Nam có số đo 36,5m.
+ Hướng Bắc có số đo 38,5m.

Diện tích 728,25m^2 có vị trí như sau (6):
+ Hướng Đông có số đo 51,27m + 17m + 7,5m.
+ Hướng Tây có số đo 59m.
+ Hướng Nam có số đo 8m.
+ Hướng Bắc có số đo 23,69m.

Diện tích 99,75m^2 có vị trí như sau (7):
+ Hướng Đông có số đo 10m.

+ Hướng Tây có số đo 9,5m.

+ Hướng Nam có số đo 10m.

+ Hướng Bắc có số đo 11m.

- Ông Tạ Kim Q được quyền sử dụng phần diện tích 7.209,2m^2 (trong đó có 60m^2 đất thổ cư và 3.250m^2 đất lúa) đất có vị trí như sau (2):

+ Hướng Đông có số đo 45,48m + 23m + 66,66m.

+ Hướng Tây có số đo 6,7m + 35,5m + 33,7m + 43,33m + 12m + 10m + 61,27m.

+ Hướng Nam có số đo 19,5m + 1,5m + 7,5m + 1,5m + 11m + 42m + 2m + 23,95m.

+ Hướng Bắc có số đo 49m.

- Giao phần diện tích 562m^2 đất khu mộ và lối đi vào khu mộ cho các đồng thừa kế của ông H và bà B được quản lý, sử dụng chung, có vị trí như sau (8):

+ Hướng Đông có số đo 14m + 59m + 23,69m + 7,5m + 22m + 9,5m.

+ Hướng Tây có số đo 83,27m + 82,33m + 2,2m.

+ Hướng Nam có số đo 38,5m + 45,33m.

+ Hướng Bắc có số đo 47,89m.

- Ông Tạ Kim S được quyền sở hữu căn nhà loại III.1b1, kết cấu khung cột bê tông cốt thép, tường xây, mái tol, nền lót gạch men.

(Theo biên bản xác định ý kiến ngày 30/8/2016 của bà Tạ Kim H, ông Tạ Văn T và bản vẽ do bà Tạ Kim H, ông Tạ Văn T và bà Tạ Ngọc X cung cấp).

2. Ông Tạ Kim Q có trách nhiệm trả cho ông Tạ Văn T 56.252.277 đồng (năm mươi sáu triệu hai trăm năm mươi hai nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng).

- Ông Tạ Kim Q có trách nhiệm trả cho bà Tạ Thu C 87.189.784 đồng (tám mươi bảy triệu một trăm tám mươi chín nghìn bảy trăm tám mươi bốn đồng).

- Ông Tạ Kim Q có trách nhiệm trả cho bà Tạ Kim H 159.002.277 đồng (một trăm năm mươi chín triệu không trăm lẻ hai nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng).

- Ông Tạ Kim Q có trách nhiệm trả cho bà Tạ Ngọc Đ 134.743.612 đồng (một trăm ba mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm mười hai đồng).

- Bà Tạ Kim H1 có trách nhiệm trả cho bà Tạ Ngọc Đ 12.222.723 đồng (mười hai triệu hai trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi ba đồng).

- Ông Tạ Kim S có trách nhiệm trả cho bà Tạ Ngọc Đ 12.035.832 đồng (mười hai triệu không trăm ba mươi lăm nghìn tám trăm ba mươi hai đồng).

- Ông Tạ Kim S có trách nhiệm trả cho bà Tạ Ngọc X 159.002.277 đồng (một trăm năm mươi chín triệu không trăm lẻ hai nghìn hai trăm bảy mươi bảy đồng).

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 4.899.998 đồng. Bà Tạ Kim H, ông Tạ Văn T, ông Tạ Kim Q, bà Tạ Thu C, bà Tạ Kim H1, bà Tạ Ngọc Đ và bà Tạ Ngọc X mỗi người phải chịu 544.444 đồng. Ông Tạ Kim S phải chịu 1.088.888 đồng. Bà H đã nộp và chi xong 2.900.000 đồng, ông T đã nộp

và chi xong 2.000.000 đồng. Bà H, ông Q, bà Đ, bà X mỗi người có trách nhiệm trả lại cho bà H 544.444 đồng, bà C có trách nhiệm trả lại cho bà Huệ 177.780 đồng và hoàn cho ông T 366.668 đồng, ông S có trách nhiệm trả cho ông T 1.088.888 đồng. Việc hoàn trả số tiền nêu trên được thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Tạ Kim H phải chịu 7.950.113 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 12.000.000 đồng theo biên lai số 007097 ngày 25/4/2014 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ; hoàn trả lại bà H số tiền 4.049.887 đồng (bốn triệu không trăm bốn mươi chín nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng).

+ Ông Tạ Văn T, ông Tạ Kim Q, bà Tạ Thu C, bà Tạ Ngọc Đ và bà Tạ Ngọc X mỗi người phải chịu 7.950.113 đồng (bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn một trăm mười ba đồng).

+ Ông Tạ Kim S phải chịu 15.900.226 đồng (mười lăm triệu chín trăm nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm bà Tạ Kim H phải chịu 300.000 đồng. Bà H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007745 ngày 16/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Thanh Dũng

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND TP. B;
- CCTHADS TP. B;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.